TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16-02-2023
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Quyến
Ông Lê Văn Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Linh – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 628/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Bích Đ, sinh năm 1993; Trú tại: ấp H, xã B, huyện H, tỉnh Hậu Giang. Có mặt

Bị đơn: Anh Trịnh Quốc S, sinh năm 1977; Trú tại: ấp H, xã B, huyện H, tỉnh Hậu Giang. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị Võ Thị Bích Đ trình bày: Về quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn tự nguyện kết hôn năm 2005 và thực hiện đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 nguyên đơn và bị đơn phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hòa thuận và thường xuyên cự cải. Hai vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau trong thời gian dài, bị đơn có hành vi bạo hành. Vì hạnh phúc gia đình, nguyên đơn nhiều lần

khuyên nhưng bị đơn không sửa đổi. Nguyên đơn cho rằng mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn; Về con chung, có hai con chung gồm Trịnh Phát T (giới tính nam), sinh ngày 04/10/2007 và cháu Trịnh Phát L(giới tính nam), sinh ngày 28/9/2019 hiện tại các cháu đang sinh sống với bị đơn, sau khi ly hôn nguyên đơn không yêu cầu nuôi mà giao bị đơn trực tiếp nuôi và không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh Trịnh Quốc S trình bày: Về quan hệ hôn nhân, thừa nhận có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn chỉ là hiểu lầm lẫn nhau, bất đồng trong đời sống hôn nhân không lớn. Do đó, bị đơn không đồng ý ly hôn vì còn thương nguyên đơn; Về con chung gồm Trịnh Phát T (giới tính nam), sinh ngày 04/10/2007 và cháu Trịnh Phát L(giới tính nam), sinh ngày 28/9/2019 hiện tại các cháu đang sinh sống với bị đơn và yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau: Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Về nội dung vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về con chung giao cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, nguyên đơn chưa phải cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. a

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn có thực hiện đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn được pháp luật công nhận là vợ chồng. Khi mâu thuẫn xảy ra không thể hàn gắn được

nên nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn, để tạo điều kiện cho nguyên đơn và bị đơn hàn gắn hôn nhân, Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu ly hôn với bị đơn. Nguyên đơn xác định không còn tình cảm với bị đơn. Tại phiên tòa bị đơn cho rằng không còn tình cảm với nguyên đơn nên thống nhất ly hôn với nguyên đơn. Xét quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và cả hai thống nhất chấm dứt quan hệ hôn nhân, nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Võ Thị Bích Đ không có tranh chấp nuôi con, Anh Trịnh Quốc S yêu cầu được trực tiếp nuôi con và cháu Trịnh Phát Tài có nguyện vọng sống chung với anh S. Mặc khác, hiện nay các cháu T và cháu Psinh sống với bị đơn và có môi trường sinh hoạt, học tập ổn định. Dó đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bị đơn. Về cấp dưỡng, bị đơn chưa yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 53, 56, 57, 81, 82, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn Chị Võ Thị Bích Đ và bị đơn Anh Trịnh Quốc S.

2. Về con chung: Anh Trịnh Quốc S được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Phát T (giới tính nam), sinh ngày 04/10/2007 và cháu Trịnh Phát L(giới tính nam), sinh ngày 28/9/2019 đến khi trưởng thành, Chị Võ Thị Bích Đ chưa phảo cấp dưỡng nuôi con chung, do nguyên đơn chưa yêu cầu.

Dành quyền trông nom, chăm sóc con chung cho Chị Võ Thị Bích Đ, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn Chị Võ Thị Bích Đ phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000546 ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp thành án phí.

5. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Hiếu